

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2025/DS-ST
Ngày: 25-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Bạch.
- Ông Đinh Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Ly – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1387/2024/TLST-DS, ngày 22 tháng 11 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2025/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 254/2025/QĐST-DS, ngày 27 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T. Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh). Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức danh: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thành N; sinh năm: 1993. Địa chỉ: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng P; sinh năm: 1989. Địa chỉ: 256 đường Liên khu 4-5, phường Bình Hưng Hoà B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường BT, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có ông Nguyễn Thành N là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ngày 14/11/2018 ông Nguyễn Hồng P ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (gọi tắt là Ngân hàng), bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,6%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông p đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 196.395.144 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông p đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 180.375.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông p vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông p vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/05/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 55.074.778 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 25/7/2025, ông p còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm): Nợ gốc là 55.074.778 đồng; Lãi quá hạn là 109.185.425 đồng. Tổng cộng là 164.260.203 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 55.074.778 đồng với lãi suất quá hạn là 3,9%/tháng (2,6% x 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông p, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông p vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

1. Ông Nguyễn Hồng P phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2025 là 164.260.203 đồng, trong đó: Nợ gốc là 55.074.778 đồng; Lãi quá hạn là 109.185.425 đồng.

2. Ông p còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/7/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Khi vay Ngân hàng chỉ cho cá nhân ông p vay nên chỉ yêu cầu cá nhân ông p thanh toán tiền nợ.

Ngoài địa chỉ tại đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp thì nguyên đơn không có địa chỉ nào khác của bị đơn. Bị đơn khai địa chỉ trong hợp đồng nên nguyên đơn đã áp dụng theo Toà án có thẩm quyền là nơi cung cấp địa chỉ trong hợp đồng. Ngoài ra, không còn yêu cầu hay ý kiến gì thêm.

Bị đơn – ông Nguyễn Hồng P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay,

- Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn - ông Nguyễn Hồng P vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Toà án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần T khởi kiện bị đơn - ông Nguyễn Hồng P yêu cầu thanh toán số tiền nợ xuất phát từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, gọi chung là hợp đồng tín dụng nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng; tại hợp đồng tín dụng và sổ đăng ký tạm trú thể hiện ông Nguyễn Hồng P có địa chỉ tại phường B, quận QT (nay là phường BT), Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh) theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn - ông Nguyễn Hồng P vắng mặt không có lý do.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ là 164.260.203 đồng (bao gồm: nợ gốc là 55.074.778 đồng và nợ lãi quá hạn là 109.185.425 đồng), xuất phát từ việc ông p sử dụng thẻ tín dụng mà Ngân hàng đã cấp cho ông Phong theo Hợp đồng tín dụng đôi bên đã ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng ông p vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu ông p thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn thiếu là 164.260.203 đồng.

Ông p đã được Tòa án thông báo về yêu cầu của người khởi kiện và đã được triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông p vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Có nghĩa là, ông p đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Ngân hàng Thương mại Cổ phần T với ông Nguyễn Hồng P có ký kết Hợp đồng tín dụng vào ngày 14/11/2018 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cùng bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (đơn vị phát hành thẻ).

Tại thời điểm giao kết hợp đồng, pháp luật điều chỉnh quan hệ hợp đồng giữa các bên đương sự là Luật Các tổ chức tín dụng (Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/10/2010), Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Văn bản số 20/VBHN-NHNN ngày 20/5/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Các thoả thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng này phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng của Thống đốc Ngân hàng nhà nước.

Về hình thức của hợp đồng tín dụng được lập thành văn bản, phù hợp với quy định tại Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Về mặt nội dung, chủ thể giao kết hợp đồng là Ngân hàng Thương mại Cổ phần T một tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật

Các tổ chức tín dụng. Ông Nguyễn Hồng P và Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đã tự nguyện giao kết hợp đồng. Nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tại thời điểm ký kết.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 14/11/2018 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần T ký với ông Nguyễn Hồng P thì các bên đã có các thỏa thuận: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T phê duyệt hạn mức tín dụng cho ông p số tiền là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân; Lãi suất thỏa thuận là 2,6%/tháng. Ngoài ra, còn có các thỏa thuận khác về việc phát hành thẻ, sử dụng thẻ, hạn mức tín dụng, phương thức thanh toán, các loại phí, cách tính lãi và điều khoản khác... được thỏa thuận tại bản Điều khoản và bản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này. Tại phần Cam kết của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, ông Nguyễn Hồng P đã cam kết chấp hành các điều khoản ký kết và xác nhận rằng đã đọc và đồng ý ràng buộc bởi các điều khoản và điều kiện của thẻ tín dụng và chịu trách nhiệm đối với nghĩa vụ, trách nhiệm phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ... Các thỏa thuận và cam kết tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cùng bản Điều khoản và bản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký kết phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Theo các tài liệu trong hồ sơ thể hiện, quá trình thực hiện hợp đồng ông p đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 196.395.144 đồng và đã thanh toán số tiền là 180.375.000 đồng (theo bảng sao kê nguyên đơn cung cấp). Tiền thanh toán áp dụng theo Điều 21 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Sau đó, ông p không thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn lại, mặc dù phía Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc trả nợ nhưng ông p vẫn không thực hiện thanh toán. Như vậy, ông p đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *“Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”*, nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đã chấm dứt việc cấp tín dụng và thu hồi nợ đồng thời khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

- Về số tiền nợ, Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đưa ra số tiền ông p còn nợ tính đến ngày 25/7/2025 là 164.260.203 đồng (bao gồm: nợ gốc là 55.074.778 đồng và nợ lãi quá hạn là 109.185.425 đồng), ông p đã được thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không đến Toà và không có ý kiến phản đối, phản hồi lời khai của nguyên đơn về số tiền nợ nói trên. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn không phải chứng minh. Mặt khác, căn cứ vào bảng chi tiết tính lãi, bảng tóm tắt sao kê của phía nguyên đơn cung cấp thể hiện ông p còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền là 164.260.203 đồng (bao gồm: nợ gốc là 55.074.778 đồng và nợ lãi quá

hạn là 109.185.425 đồng). Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 ông p phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ nói trên.

Do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán đã lâu nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là yêu cầu chính đáng, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2025 trên số dư nợ gốc thực nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14/11/2018 cùng bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (đơn vị phát hành thẻ), Hội đồng xét xử chấp nhận vì yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận của các bên đã ký kết.

Phía nguyên đơn cũng xác định, chỉ cho ông p vay và trách nhiệm thanh toán chỉ yêu cầu cá nhân ông p thực hiện mà không yêu cầu ai khác cùng liên đới trả nợ nên ghi nhận.

[4] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức, nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do được chấp nhận yêu cầu nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần T không phải nộp án phí, hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Nguyễn Hồng P phải nộp án phí số tiền là 8.213.010 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/10/2010 của Quốc Hội);

Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và

khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Văn bản số 20/VBHN-NHNN ngày 20/5/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đối với ông Nguyễn Hồng P.

2. Buộc ông Nguyễn Hồng P phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền nợ là 164.260.203 (một trăm sáu mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi nghìn, hai trăm lẻ ba) đồng, bao gồm: nợ gốc là 55.074.778 (năm mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm bảy mươi tám) đồng và nợ lãi quá hạn là 109.185.425 (một trăm lẻ chín triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm hai mươi lăm) đồng, phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14/11/2018 cùng với bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T, ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần T với ông Nguyễn Hồng P. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Hồng P phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2025 theo mức lãi thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày

14/11/2018 cùng với bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T, ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần T với ông Nguyễn Hồng P cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T không phải nộp. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền tạm ứng án phí là 2.957.373 (hai triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi ba) đồng, theo biên lai số 0011765 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Nguyễn Hồng P phải nộp án phí sơ thẩm số tiền là 8.213.010 (tám triệu, hai trăm mười ba nghìn, không trăm mười) đồng.

Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 9-TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Lệ Hoa

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Bạch.
- Ông Đinh Minh Hoàng.

Đã tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 1387/2024/DSST, ngày 22 tháng 11 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2025/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 254/2025/QĐST-DS, ngày 27 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T. Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường S, Quận X (nay là phường Xuân Hoà), Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Chức danh: Tổng giám đốc; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm: 1993; Địa chỉ: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường S, Quận X (nay là phường Xuân Hoà), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng P; sinh năm: 1989. Địa chỉ: 256 đường Liên khu 4-5, phường B, quận QT(nay là phường BT), Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/10/2010 của Quốc Hội);

Căn cứ Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

Căn cứ Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31 tháng 12 năm 2001 của

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Văn bản số 20/VBHN-NHNN ngày 20/5/2014 của Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đối với bị đơn – ông Nguyễn Hồng P.

2. Buộc ông Nguyễn Hồng P phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền nợ là 164.260.203 đồng (bao gồm: nợ gốc là 55.074.778 đồng và nợ lãi quá hạn là 109.185.425 đồng), phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 14/11/2018 cùng với bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T, ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần T với ông Nguyễn Hồng P. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Hồng P phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2025 theo mức lãi thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 14/11/2018 cùng với bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T, ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần T với ông Nguyễn Hồng P cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T không phải nộp. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền tạm ứng án phí là 2.957.373 (hai triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi ba) đồng, theo biên lai số 0011765 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án khu vực 9). Ông Nguyễn Hồng P phải nộp án phí sơ thẩm số tiền là 8.213.010 đồng.

Các đương sự thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày 25 tháng 7 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Nơi nhận:

- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận BT;
- Thi hành án dân sự quận BT;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Lệ Hoa